

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 24 /05/2021  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thụ.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trương Văn Lộc
2. Bà Lê Thị Nga

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 05 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 255/2020/HNST ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố E.

- ***Bị đơn:*** bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố E.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị Thu L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, Thành phố E vào ngày [REDACTED] và sống với nhau hạnh phúc 14 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về tiền bạc trong làm ăn nên vợ chồng hay xảy ra tranh cãi, ông và bà L đã sống ly thân. Nay hạnh phúc hôn nhân không đạt được, ông xin ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày [REDACTED]. Ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L: Bà L vắng mặt tại phiên tòa và quá trình giải quyết cũng không có văn bản phản hồi về yêu cầu của ông L đối với việc ly hôn, về con chung và về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các điều 170, 171, 173, 179 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng trình tự, thủ tục nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn L là chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giò, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về tố tụng:*

*- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ông Nguyễn Văn L có khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Thu L. Bà L có nơi trú tại Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố E. Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*- Về sự vắng mặt của đương sự:*

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu L.

*[2]. Về nội dung:*

*- Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thu L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, Thành phố E, Giấy chứng nhận kết hôn số ■■■■■, quyển số

■■■■, ngày ■■■/■■■/■■■■ nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà L là hợp pháp, quyền lợi của các bên được pháp luật bảo vệ.

Xét quá trình giải quyết vụ án, ông L trình bày là đời sống chung có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do mâu thuẫn tiền bạc trong việc làm ăn, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, bất hòa. Hiện nay ông L và bà L đã sống ly thân với nhau.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà L đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà L vắng mặt không có lý do và không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông L. Từ đó cho thấy bà L đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, quan tâm chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc nhưng mâu thuẫn giữa ông L và bà L đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

- *Về con chung*: Có 01 con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày ■■■/■■■/■■■■. Xét thấy, hiện nay cháu L đã ở cùng ông Nguyễn Văn L và cháu đã môi trường sống, học tập ổn định. Đồng thời, cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông L. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Lý cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu L cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

*[3]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.*

Do ông Nguyễn Văn L là người nộp đơn xin ly hôn nên ông phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thu L (Giấy chứng nhận kết hôn số ■■■, quyền số ■■■, ngày ■■■/■■■/■■■ hết hiệu lực).

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày ■■■/■■■/■■■, cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Nguyễn Thị Thu L được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn L không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu L cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AG/2011/■■■ ngày ■■■ tháng ■■■ năm ■■■ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giò. Ông L đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Cần Giò;
- THADS huyện Cần Giò;
- UBND xã C;
- Lưu: vp,hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Thụ**